TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2017

Phiếu 1C/TĐTKT-ĐT | **Mã số thuế** | | | | | | | | | | | | | |

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP ĐANG ĐẦU TƯ, CHƯA SẢN XUẤT, KINH DOANH Năm 2016

Thực hiện Quyết định số 1672/QĐ-TTg, ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2017.

- Nghĩa vụ cung cấp thông tin theo phiếu này được quy định theo Luật Thống kê.
- Các thông tin cung cấp theo phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Luật định.

Nguyên tắc điền phiếu
- Không ghi thông tin vào các ô có ký hiệu (x)
- Đối với những câu hỏi/mục lựa chọn, khoanh tròn vào mã số tương ứng câu trả lời thích hợp.
- Đối với những câu hỏi/mục ghi thông tin, số liệu, phải ghi vào đúng ô hoặc bảng tương ứng.

1. Tên doanh nghiệp: .....

(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu):.....

2. Địa chỉ: ..... *CQ Thống kê ghi*

Tỉnh/TP trực thuộc TW:..... | | |

Huyện/quận *(thị xã, TP thuộc tỉnh)* ; ..... | | | |

Xã/phường/thị trấn:..... | | | | | |

Thôn, ấp *(số nhà, đường phố)* :.....

Mã khu vực *Số máy*

Số điện thoại : | | | | | | | | | | | | |

Số fax : | | | | | | | | | | | | |

Email : .....

3. Thông tin về người đứng đầu cơ sở:

Họ và tên *(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)* :..... Năm sinh: | | | | |

Giới tính: 1 Nam 2 Nữ *CQ Thống kê ghi*

Dân tộc *(Nếu là người nước ngoài ghi dân tộc là "Nước ngoài")*:..... | |

Quốc tịch *(Nếu có 2 quốc tịch trở lên, ghi quốc tịch thường dùng nhất)*:..... | |

Trình độ chuyên môn được đào tạo (Theo bằng/giấy chứng nhận trình độ cao nhất hiện có):

1 Chưa qua đào tạo
2 Đào tạo dưới 3 tháng
3 Sơ cấp
4 Trung cấp
5 Cao đẳng
6 Đại học
7 Thạc sỹ
8 Tiến sỹ
9 Trình độ khác

CQ Thống kê ghi

4. Ngành đăng ký SXKD chính: ..... | | | | | |

(VSIC 2007-Cấp 5)

5. DN có nằm trong khu CN, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao không?

1 Có ☐ Khu CN ☐ Khu chế xuất ☐ Khu KT ☐ Khu công nghệ cao

2 Không

6. Loại hình doanh nghiệp:

01. Công ty TNHH 1 thành viên 100% vốn NNTW

02. Công ty TNHH 1 thành viên 100% vốn NNĐP

03. Cty CP, Cty TNHH có vốn Nhà nước > 50%

↳ *% vốn NNTW* ☐☐ ↳ *% vốn NNĐP* ☐☐

04. Công ty nhà nước

4.1. Trung ương

4.2. Địa phương

05. Hợp tác xã/liên hiệp HTX

5.1. Hợp tác xã

5.2. Liên hiệp HTX

5.3 Quỹ tín dụng nhân dân

06. Doanh nghiệp tư nhân

07. Công ty hợp danh

08. Cty TNHH tư nhân,Cty TNHH có vốn N.nước ≤ 50%

↳ *% vốn nhà nước* ☐☐

09. Công ty cổ phần không có vốn Nhà nước

% vốn NN ☐☐

10. Công ty cổ phần có vốn Nhà nước ≤ 50%

↳ *Nhà nước có chi phối không* *1 Có* *2 Không*

11. DN 100% vốn nước ngoài

12. DN nhà nước liên doanh với nước ngoài

13. DN khác liên doanh với nước ngoài

7. Lao động

7.1. Lao động có tại thời điểm 01/01/2016 ☐ *Người*

Trong đó: Nữ ☐ *Người*

7.2. Lao động có tại thời điểm 31/12/2016 ☐ *Người*

Đơn vị tính: Người

Tên chỉ tiêu	Mã	Tổng số
A	**B**	**1**
Tổng số	**01**	
Trong đó: Nữ	02	
Phân theo trình độ chuyên môn được đào tạo:		
1. Chưa qua đào tạo	06	
2. Đào tạo dưới 3 tháng	07	
3. Sơ cấp	08	
4. Trung cấp	09	
5. Cao đẳng	10	
6. Đại học	11	
7. Thạc sỹ	12	
8. Tiến sỹ	13	
9. Trình độ khác	14	
Phân theo nhóm tuổi:		
1. Từ 16 đến 30 tuổi	15	
2. Từ 31 đến 45 tuổi	16	

3. Từ 46 đến 55 tuổi	17	
4. Từ 56 đến 60 tuổi	18	
5. Trên 60 tuổi	19	

8. Thực hiện góp vốn điều lệ ***(Áp dụng cho các doanh nghiệp FDI)***

Đơn vị tính: 1000 USD

Tên chỉ tiêu	Mã nước	Vốn điều lệ đến 31/12/2016	Thực hiện góp vốn điều lệ trong năm 2016	Góp vốn điều lệ lũy kế đến 31/12/2016
A	*B*	*1*	*2*	*3*
Tổng số *(01=02+06)*	**01**			
Bên Việt Nam *(02=03+04+05)*	**02**			
**** Chia ra:***				
Doanh nghiệp nhà nước	03			
Doanh nghiệp ngoài nhà nước	04			
Tổ chức khác	05			
Bên nước ngoài	**06**			
**** Chia ra:***	**Mã nước**			
Nước				
Nước				
Nước				

9. Vốn đầu tư thực hiện trong năm *Đơn vị tính: Triệu đồng*

Tên chỉ tiêu	Mã số	Thực hiện năm 2016
TỔNG SỐ *(01=02+05+06+09+15 +18 =21+27+28+29+30)*	**01**	
A. CHIA THEO NGUỒN VỐN		
1. Ngân sách Nhà nước (*02=03+04*)	02	
- Ngân sách Trung ương	03	
- Ngân sách địa phương	04	
2. Trái phiếu chính phủ	05	
3. Tín dụng đầu tư phát triển ***(06 =07+08)***	06	
- Vốn trong nước	07	
- Vốn nước ngoài *(ODA)*	08	
4. Vốn vay *(09=10+11+12+13+14)*	09	
- Vay ngân hàng trong nước	10	
- Vay các tổ chức, cá nhân khác ở trong nước	11	
- Vay ngân hàng nước ngoài	12	
- Vay các tổ chức, cá nhân khác ở nước ngoài	13	
- Vay công ty mẹ, công ty anh (em)	14	
5. Vốn tự có *(15=16+17)*	15	
- Bên Việt Nam	16	
- Bên nước ngoài	17	
6. Vốn huy động từ các nguồn khác	18	
B. CHIA THEO KHOẢN MỤC ĐẦU TƯ		
Trong đó + Máy móc, thiết bị đã qua sử dụng trong nước	19	
+ Chi phí đào tạo công nhân KT và cán bộ quản lý SX	20	

1. Xây dựng cơ bản *(21=22+23+24)*	21	
Chia ra : - Xây dựng và lắp đặt	22	
- Máy móc và thiết bị	23	
- Vốn đầu tư xây dựng cơ bản khác	24	
Trong đó: + Chi đền bù, giải phóng mặt bằng	25	
+ Tiền thuê đất hoặc mua quyền SD đất	26	
2. Mua sắm TSCĐ dùng cho SX không qua XDCB	27	
3. Sửa chữa, nâng cấp TSCĐ	28	
4. Vốn lưu động bổ sung bằng vốn tự có	29	
5. Đầu tư khác	30	
C. CHIA THEO MỤC ĐÍCH ĐẦU TƯ	Mã ngành cấp 2-VSIC 2007 (CQ TKê ghi)	
Mục đích 1:		
Mục đích 2:		
Mục đích 3:		
Mục đích 4:		
Mục đích 5:		
Mục đích 6:		
D. CHIA THEO TỈNH/THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG	Mã tỉnh, TP (CQ TKê ghi)	
Tỉnh/TP:		
Tỉnh/TP:		
Tỉnh/TP:		
Tỉnh/TP:		
Tỉnh/TP:		
Tỉnh/TP:		
Tỉnh/TP:		
Tỉnh/TP:		

Ngày** ..... **tháng** …… **năm 2017

Người trả lời phiếu	**Điều tra viên**	**Giám đốc Doanh nghiệp**
- Họ và tên:	- Họ và tên:	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
- Điện thoại:	- Điện thoại:	
- Ký tên:	- Ký tên:	